TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 418/2026/DS-PT
Ngày 23 - 4 - 2026
V/v tranh chấp đòi bồi thường thiệt hại tài sản bị xâm phạm

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Kim Châu

Các Thẩm phán: Ông Lê Thành Trung

Ông Trần Văn Lực

- Thư ký phiên tòa: Ông Lưu Chí Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Pho - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 4 năm 2026, Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 164/2026/TLPT-DS ngày 27 tháng 02 năm 2026 về việc "*Tranh chấp đòi bồi thường thiệt hại tài sản bị xâm phạm*". Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 47/2025/DS-ST, ngày 22 tháng 12 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 3 - Vĩnh Long (được đính chính thành Bản án dân sự sơ thẩm số: 138/2025/DS-ST ngày 22 tháng 12 năm 2025), bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 373/2026/QĐ-PT, ngày 24 tháng 3 năm 2026, Quyết định hoãn phiên tòa số: 472/2026/QĐ-PT ngày 09 tháng 4 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Thân Đoàn T, sinh năm 1975; cư trú tại tổ G, ấp H, xã N, huyện B, tỉnh Vĩnh Long (Nay là tổ G, ấp H, xã M, tỉnh Vĩnh Long), có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Phạm Minh H, sinh năm 1994; cư trú tại ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Đồng Tháp (Nay là ấp H, xã T, tỉnh Đồng Tháp), có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh Nguyễn Hữu M, sinh năm 1973, có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Anh Nguyễn Minh Q, sinh năm 2003, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Cùng cư trú tại: tổ A, ấp H, xã N, huyện B, tỉnh Vĩnh Long (Nay là tổ A, ấp H, xã M, tỉnh Vĩnh Long).

3. Chị Lê Hồng T1, sinh năm 1982; cư trú tại: tổ G, ấp H, xã N, huyện B, tỉnh Vĩnh Long (Nay là tổ G, ấp H xã M, tỉnh Vĩnh Long), có mặt.

- *Người kháng cáo:* Anh Thân Đoàn T là nguyên đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 17/3/2025 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn anh Thân Đoàn T trình bày và có yêu cầu như sau:

Năm 2020, anh có mua chiếc chẹt gỗ, trọng tải khoảng 06 tấn, kích thước chiều ngang khoảng 2,6m, chiều dài khoảng 5,9m, chiều cao khoảng 0,9m, ván dày khoảng 2cm đến 3cm, loại gỗ sao núi, dùng làm phương tiện chuyên chở trong sản xuất nông nghiệp với số tiền là 37.000.000 đồng (Ba mươi bảy triệu đồng). Sau mỗi vụ mùa anh mang chiếc chẹt neo đậu trong ao vườn nhà chỗ tiếp giáp với kênh X, chiếc chẹt bị chìm xuống ao do mưa bão.

Đến khoảng năm 2024, có Công trình nạo vét kênh X thi công, anh Phạm Minh H là người điều khiển xáng cạp để thực hiện việc nạo vét. Sau khi thi công xong anh Phạm Minh H cho lùi sà lan lại đến đầu ao vườn của anh để quay đầu trở ra, đây cũng là vị trí anh neo đậu chiếc chẹt đang chìm dưới ao. Khi thực hiện việc quay đầu thì anh Phạm Minh H đã tự ý đưa phần gào múc (gầu ngoạm) múc nhiều lần vào phần ao vườn của anh tại vị trí đậu chẹt để quay đầu. Hậu quả làm chiếc chẹt của anh bị hư hỏng hoàn toàn, việc làm của anh H thì anh không biết. Mấy ngày sau, khi ao vườn rút cạn nước anh mới phát hiện chiếc chẹt đã bị hư hỏng hoàn toàn cùng với những dấu tích của gào múc trên thân chẹt. Anh có trình báo đến chính quyền địa phương để yêu cầu giải quyết vụ việc.

Khi trưởng Ban nhân dân mời anh Phạm Minh H đến vị trí chẹt bị hỏng để xác minh vụ việc, anh H cùng chính quyền địa phương có đến và anh H có sử dụng điện thoại cá nhân để chụp lại hiện trạng chiếc chẹt bị hỏng. Sau đó tổ hòa giải ấp H, xã N tổ chức hòa giải anh có yêu cầu anh Phạm Minh H bồi thường chiếc chẹt cho anh là 10.000.000 đồng nhưng anh H chỉ chịu bồi thường 2.000.000 đồng nên hòa giải không thành.

Nay anh T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh Phạm Minh H phải có trách nhiệm bồi thường cho anh số tiền là 10.000.000 đồng. Nếu không chấp nhận bồi thường số tiền 10.000.000 đồng thì anh H phải thuê thợ sửa lại chiếc chẹt như hiện trạng ban đầu cho anh.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Phạm Minh H trình bày và có yêu cầu như sau:

Vào ngày 21/10/2024 anh có làm công trình dự án nạo vét kênh Xẻo Nga thi công bằng cobe. Khi thi công thì Nhà nước có thông báo cho người dân biết nhằm mục đích để người dân di dời tài sản, ống bọng, cây trồng …v..v…Trong quá trình thi công nơi xảy ra sự việc thì anh không thấy chiếc chẹt nổi trên mặt nước. Trong lúc thi công chỗ đất ông T thì ông T có chỉ anh móc đất dưới sông lên cho ông T, ông T cũng không báo anh biết có chiếc chẹt đang chìm dưới ao nên anh không biết

gì hết. Qua khỏi đất ông T thì anh còn thi công khoảng 01 tuần nữa mới rút máy ra khỏi công trình. Anh thi công xong vào ngày 05/11/2024 và đã di chuyển khỏi nơi công trình.

Đến ngày 10/01/2025, ông Thân Đoàn T làm đơn khởi kiện anh đòi anh bồi thường số tiền bằng 10.000.000 đồng, tiền chẹt của ông T bị hư hoặc trả lại tài sản như ban đầu. Anh không thấy chiếc chẹt nào đậu trên sông và anh cũng không làm hư hỏng tài sản của ông T. Ngay từ đầu khi ấp hòa giải anh đã không thừa nhận việc chiếc chẹt của ông T bị hư hỏng là do anh gây ra, nhưng trước khi đến dự hòa giải thì chủ công trình có nói là đồng ý hỗ trợ cho ông T số tiền bằng 2.000.000 đồng. Còn chiếc chẹt của ông T bị hư hỏng thì anh không biết nguyên nhân và cũng không phải anh gây ra.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Hữu M trình bày:

Chủ đơn vị thi công đứng tên là con trai anh tên Nguyễn Minh Q, sinh năm 2003, cùng địa chỉ với anh. Khi anh H đến dự hòa giải ở ấp thì anh có đề xuất với anh H là hỗ trợ cho ông T số tiền bằng 2.000.000 đồng. Công trình nạo vét kinh Xẻo N được thực hiện vào tháng 9/2024. Khi thực hiện xong dự án nạo xét kinh thì khoảng 2, 3 tháng sau ông T mới báo hư hỏng tài sản nên không biết nguyên nhân do đâu, nếu ngay tại thời điểm nạo vét mà ông T báo hư hỏng tài sản thì còn xem xét, trường hợp này không nắm được là tài sản của ông T bị hư hỏng là do đâu. Chiếc chẹt của ông T được đóng đã lâu, tới thời điểm hư hỏng ông T đã ngâm dưới sông quá lâu thì chiếc chẹt cũng sẽ hư hỏng, không còn sử dụng được. Nên hôm nay anh vẫn giữ nguyên ý kiến là đồng ý hỗ trợ cho anh T số tiền bằng 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng).

Quá trình giải quyết vụ án, bà Lê Hồng Tl trình bày:

Chiếc chẹt là tài sản chung của vợ chồng bà, bà thống nhất yêu cầu khởi kiện của chồng bà là yêu cầu anh Phạm Minh H phải có trách nhiệm bồi thường cho vợ chồng bà số tiền bằng 10.000.000 đồng (mười triệu đồng).

Quá trình thụ lý giải quyết các bên không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án nên Tòa án cấp sơ thẩm tiến hành đưa vụ án ra xét xử.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 47/2025/DS-ST, ngày 22 tháng 12 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 3 - Vĩnh Long (được đính chính thành Bản án dân sự sơ thẩm số: 138/2025/DS-ST ngày 22 tháng 12 năm 2025), đã quyết định:

Áp dụng Điều 147, khoản 1 Điều 228, 271 của Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng Điều 584, 585, 586, 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Áp dụng khoản 1 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. *Tuyên xử*:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Thân Đoàn T về việc yêu cầu ông Phạm Minh H bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm bằng 10.000.000 đồng.

Ghi nhận sự nguyện của ông Nguyễn Hữu M đồng ý hỗ trợ cho ông Thân Đoàn T số tiền bằng 2.000.000 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm:

Ngày 05 tháng 01 năm 2026, anh Thân Đoàn T kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn có trách nhiệm bồi thường số tiền 10.000.000 đồng, ngoài số tiền ông Nguyễn Hữu M hỗ trợ 2.000.000 đồng; không đồng ý chịu án phí bằng 500.000 đồng và chi phí xem xét thẩm định tại chổ bằng 450.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo; các đương sự không cung cấp thêm chứng cứ mới.

Qua phân tích giải thích của Hội đồng xét xử phúc thẩm, anh Thân Đoàn T và anh Phạm Minh H đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Theo đó, anh Phạm Minh H đồng ý hỗ trợ cho anh Thân Đoàn T số tiền bằng 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) và chịu ½ chi phí tố tụng, án phí dân sự sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, các đương sự, người tham gia tố tụng khác đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Xét thấy tại phiên tòa phúc thẩm, giữa anh Thân Đoàn T và anh Phạm Minh H đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, theo đó, anh Phạm Minh H đồng ý hỗ trợ cho anh Thân Đoàn T số tiền bằng 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) và chịu ½ chi phí tố tụng, án phí dân sự sơ thẩm. Xét thấy sự thỏa thuận này là tự nguyện, không bị ép buộc, phù hợp với quy định pháp luật và không trái đạo đức xã hội nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm công nhận kết quả thỏa thuận nêu trên. Về án phí dân sự phúc thẩm: Trường hợp các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án thì người kháng cáo phải chịu toàn bộ án phí dân sự phúc thẩm, nên buộc anh Thân Đoàn T phải chịu toàn bộ án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét đơn kháng cáo của anh Thân Đoàn T làm trong hạn luật định và hợp lệ nên chấp nhận xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự là ông Nguyễn Hữu M và anh

Nguyễn Minh Q vắng mặt, nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt và phiên tòa được mở lần thứ 2 nên Hội đồng xét xử căn cứ vào quy định tại Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025, tiến hành đưa vụ án ra xét xử.

[3] Xét nội dung vụ án và đơn kháng cáo của anh Thân Đoàn T, kết quả thỏa thuận của nguyên đơn và bị đơn tại phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử xét phúc thẩm xét thấy: Anh Thân Đoàn T và anh Phạm Minh H đã tự nguyện thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Theo đó, anh Phạm Minh H đồng ý hỗ trợ cho anh Thân Đoàn T số tiền bằng 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) và chịu ½ chi phí tố tụng (anh T và anh H mỗi người nộp 225.000 đồng) và ½ án phí dân sự sơ thẩm (anh T và anh H mỗi người nộp 250.000 đồng). Xét thấy sự thỏa thuận này là tự nguyện, không bị ép buộc, phù hợp với quy định pháp luật và không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng Điều 300, khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2025, sửa đổi bổ sung năm 2025 sửa án sơ thẩm theo hướng công nhận kết quả thỏa thuận của các đương sự theo nội dung nêu trên.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Theo quy định tại Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án quy định "*Trường hợp các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án thì người kháng cáo phải chịu toàn bộ án phí dân sự phúc thẩm*", anh Thân Đoàn T không thuộc trường hợp được miễn án phí nên buộc phải chịu toàn bộ án phí dân sự phúc thẩm bằng 300.000 đồng, được cấn trừ vào tiền nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu số 0000234 ngày 06/01/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long, nên không phải nộp tiếp.

[5] Xét ý kiến của Kiểm sát viên phát biểu tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 148, Điều 300, khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2025, sửa đổi bổ sung năm 2025, sửa án sơ thẩm theo hướng công nhận kết quả thỏa thuận của các đương sự theo nội dung nêu trên là có căn cứ chấp nhận.

[6] Các quyết định của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 148, Điều 300, khoản 2 Điều 308, Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025; áp dụng khoản 5 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số: 47/2025/DS-ST, ngày 22 tháng 12 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 3 - Vĩnh Long (được đính chính thành Bản án dân sự

sơ thẩm số: 138/2025/DS-ST ngày 22 tháng 12 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 3 - Vĩnh Long).

Công nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa anh Thân Đoàn T và anh Phạm Minh H tại phiên tòa phúc thẩm.

1. Ghi nhận sự tự nguyện của anh Phạm Minh H đồng ý hỗ trợ cho anh Thân Đoàn T số tiền 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng).

2. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Nguyễn Hữu M đồng ý hỗ trợ cho anh Thân Đoàn T số tiền 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Buộc ông Thân Đoàn T phải chịu án phí có giá ngạch với số tiền bằng 250.000 đồng (Hai trăm năm mươi nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng ông Thân Đoàn T đã nộp theo biên lai thu số 0000320 ngày 15/4/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Tân (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 3 – Vĩnh Long), ông Thân Đoàn T được nhận lại số tiền còn thừa bằng 50.000 đồng (Năm mươi nghìn đồng), nhận tại cơ quan Thi hành án dân sự;

Buộc anh phạm Minh H phải chịu án phí có giá ngạch với số tiền bằng 250.000 đồng (Hai trăm năm mươi nghìn đồng), nộp tại cơ quan Thi hành án dân sự;

4. *Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản*: Buộc ông Thân Đoàn T phải chịu bằng 225.000 đồng (Hai trăm hai mươi lăm nghìn đồng), ông T đã nộp xong; Buộc anh Phạm Minh H phải chịu bằng 225.000 đồng (Hai trăm hai mươi lăm nghìn đồng), nộp tại cơ quan thi hành án dân sự để trả lại cho anh Thân Đoàn T.

5. *Về án phí dân sự phúc thẩm*: Buộc ông Thân Đoàn T phải chịu bằng 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được cấn trừ vào tiền nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0000234 ngày 06/01/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long, nên không phải nộp tiếp.

6. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9

Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Vĩnh Long;
- TAND Khu vực 3 – Vĩnh Long;
- Phòng THADS Khu vực 3 – Vĩnh Long;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký và đóng dấu)

Ngô Thị Kim Châu